

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Việt Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Văn Tâm;

2/ Bà Phạm Thị Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lân – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi: ông Phạm Thanh Tứ – Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa.

Ngày 25/6/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 27/2019/TLST-HNGĐ, ngày 04/01/2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30/5/2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Q.

* *Bị đơn:* anh Bùi Văn Nh, sinh năm 1986;

Địa chỉ: thôn T, xã L, huyện T, tỉnh H.

Các đương sự, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H (có mặt), bị đơn anh Bùi Văn Nh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn Nh tự tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lo lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Q vào ngày 27/11/2012. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6 năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong cuộc sống, đã nhiều lần xảy ra cãi vã với nhau. Do sống không hạnh phúc nên vợ chồng chị H và anh Nh sống ly thân nhau khoảng 04 năm nay, chị H về nhà cha mẹ đẻ của chị tại thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Q sinh sống, anh Nh sống với cha mẹ đẻ của anh tại thôn T, xã L, huyện T,

tỉnh H, phần ai nấy sống không ai quan tâm đến nhau. Trong thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn giữa hai bên gia đình có động viên hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Nay chị H xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn, mâu thuẫn xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nh để giải phóng cho đôi bên.

Về con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng chị H và anh Nh sinh được một đứa con chung, đặt tên là Bùi Nguyễn Quốc Tr, sinh ngày 27/02/2012, hiện nay do chị H đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị H xin được nhận nuôi cháu Tr, chị yêu cầu anh Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000đồng, tính từ ngày 01/7/2019 cho đến khi cháu Trọng đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: vợ chồng chị H và anh Nh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị H và anh Nh không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản tự khai anh Bùi Văn Nh trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, anh Bùi Văn Nh trình bày có nội dung thống nhất như lời trình bày ở trên của chị Nguyễn Thị H.

Nay chị H xin ly hôn anh Nh, anh Nh đồng ý ly hôn chị H để giải phóng cho đôi bên.

Khi ly hôn về con chung anh Nh đồng ý giao cháu Bùi Nguyễn Quốc Tr cho chị H nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000đồng, tính từ ngày Tòa án tuyên án.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Q về nội dung vụ án như sau:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của nguyên đơn: nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của bị đơn: bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ không đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, 189, 220, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Văn Nh.
- Giao cháu Bùi Nguyễn Quốc Tr cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc anh Bùi Văn Nh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng do Hội đồng xét xử quyết định.

Về án phí dân sự: áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Bùi Văn Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị H khởi kiện “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và tranh chấp về cấp dưỡng*” với anh Bùi Văn Nh cư trú tại thôn T, xã L, huyện T, tỉnh H, giữa chị H và anh Nh có văn bản tự thỏa thuận yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Q nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết (Bút lục 18), căn cứ vào các Điều 28, 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Q thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bị đơn anh Bùi Văn Nh có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt, Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ và tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng đầy đủ cho anh Nh theo đúng quy định của pháp luật nên Tòa án có cơ sở xét xử vắng mặt anh Nh theo yêu cầu của anh, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Q vào ngày 27/11/2012 (Bút lục 02). Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Nh là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, do chị H và anh Nh sống không hợp nhau, mỗi người mỗi quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã với nhau. Do sống chung với nhau không được nên vợ chồng chị H và anh Nh đã sống ly thân nhau khoảng 04 năm nay. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn gia đình chị H và anh Nh có động viên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, tình cảm giữa chị H và anh Nh không còn, mâu thuẫn xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị H xin ly

hôn anh Nh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn anh Nh.

[3] *Về con chung*: Giữa chị H và anh Nh có một con chung là Bùi Nguyễn Quốc Tr, sinh ngày 27/02/2012. Tại phiên Tòa hôm nay chị H có nguyện vọng xin được nhận nuôi cháu Bùi Nguyễn Quốc Tr, sinh ngày 27/02/2012, chị yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000đồng, tính từ ngày 01tháng 7 năm 2019 cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi. Xét thấy, cháu Tr hiện nay do chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu Tr muốn ở với chị H (Bút lục 06, 34, 35, 37), Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu Tr cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 và 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Buộc anh Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000đồng là phù hợp với nguyện vọng của anh Nh (Bút lục 06) và phù hợp với quy định 82, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, được quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Khi cần thiết chị H, anh Nhu có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và khi cần thiết chị H, anh Nh hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con (Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình).

[4] *Về tài sản chung*: Chị H và anh Nh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết (Bút lục 06, 19, 34) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Nợ chung*: Chị H và anh Nh không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng (Bút lục 06, 19, 34) nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH buộc chị H, anh Nh phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát ở trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nghĩ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Văn Nh.

Về con chung: Giao cháu Bùi Nguyễn Quốc Tr, sinh ngày 27/02/2012 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, buộc anh Bùi Văn Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000đồng, tính từ ngày 01/7/2019 cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi.

Anh Nhu có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết chị H, anh Nh có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và khi

cần thiết chị H, anh Nh hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: chị H và anh Nh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.,

Nợ chung: chị H và anh Nh không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002536 ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án huyện B, tỉnh Q nên được khấu trừ xong.

Anh Bùi Văn Nh phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Nguyên đơn chị H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn anh Nh vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND t.Q;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Viết Tiến